TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ M** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H Pc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 3 - 2023
"*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thìn
Bà Đặng Thị Tuyết Hương
Thư ký phiên toà: Ông Lê Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hưng Yên.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2022/TLST - HNGĐ ngày 18/11/2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 02/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST - HNGĐ ngày 20/3/2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 07, ngõ 01, thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức V, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố R, phường D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Cháu Nguyễn Đức P, sinh ngày 30/03/2013 (vắng mặt)

Đại diện theo pháp luật của cháu P: Chị Lê Thị L, sinh năm: 1975 (có mặt)

Đều có địa chỉ: Số nhà 07, ngõ 01, thôn T, xã Hc, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

* Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm: 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường P, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Nguyễn Thị Thuỳ D, sinh năm: 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã C, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố R, phường D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, lời khai của chị Lê Thị L trong quá trình giải quyết vụ án

như sau: Chị và anh Nguyễn Đức V kết hôn tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D năm 2012. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng chung sống không H Pc, kinh tế vợ chồng có nhiều khó khăn. Từ tháng 05 năm 2016, chị đã bỏ về nhà chị ở xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa sinh sống. Kể từ đó vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị xác định vợ chồng không thể chung sống cùng nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh V được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức P, sinh ngày 30/3/2013. Hiện nay cháu đang sống cùng chị và chị không có thai. Chị xác định kể từ khi vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay, chị là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu P nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi cháu, chị tự nguyện không yêu cầu anh V pH cấp dưỡng nuôi con cho chị. Chị hiện có chỗ ở ổn định và đang làm công nhân tại Công ty giầy Rollsport Việt Nam (Khu công nghiệp H, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa) có thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng. Vợ chồng chị không có tài sản chung, vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay nợ nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị không có ruộng nông nghiệp, vợ chồng chị không có công sức với hai bên gia đình nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, anh V xác định: Anh V và chị L là vợ chồng có đăng ký kết hôn như lời trình bày của chị L là đúng. Sau ngày cưới, vợ chồng về chung sống cùng nhau ở tổ dân phố R, phường D. Quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Khoảng vài năm trước, anh không nhớ chính xác năm nào, chị L cho con về nhà bố mẹ đẻ chị L ở tỉnh Thanh Hóa. Kể từ đó chị L và anh không còn chung sống cùng nhau và anh chị không liên lạc hỏi thăm nhau. Có thời gian anh nói với chị L về việc mong muốn chị L và cháu P về sống cùng anh nhưng chị L không đồng ý. Thời gian gần đây, chị L có gặp anh trao đổi với anh về việc ly hôn nhưng anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nên anh không ký đơn ly hôn. Anh xác định vợ chồng không thể chung sống cùng nhau nhưng anh vẫn mong muốn chị L suy nghĩ lại về tình cảm vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy con. Trường hợp chị L cương quyết ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh V xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức P, sinh ngày 30/3/2013. Hiện cháu P đang ở cùng chị L. Anh V đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cháu P, anh tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh V đang làm nghề tự do tại địa phương, anh không thể cung cấp tài liệu về thu nhập của anh cho Tòa án. Anh V xác định anh có nhà ở ổn định và đang được hưởng trợ cấp dạng khuyết tật vận động của Ủy ban nhân dân thị xã M. Vợ chồng anh không có tài sản chung, vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay nợ nên anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về ruộng nông nghiệp, công sức và các vấn đề khác: Anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án đưa vụ việc ra xét xử, anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại đơn đề nghị của cháu P gửi cho Tòa án thể hiện: Anh V và chị L hơn 06 năm nay không còn chung sống cùng nhau. Cháu P có nguyện vọng ở với chị L. Cháu P

xác định cháu không liên quan gì đến kinh tế của anh chị nên cháu tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Thùy D (em gái ruột của anh V) trình bày: Sau khi kết hôn, anh V và chị L chung sống cùng nhau được một thời gian, đến cuối năm 2015, anh V bị tai nạn, không đủ sức khỏe để tham gia lao động và được hưởng trợ cấp dạng khuyết tật vận động của Ủy ban nhân dân huyện M (nay là Ủy ban nhân dân thị xã M). Kể từ đó đến nay, chị L không quan tâm, chăm sóc anh V, để mặc anh V tự sống một mình, tự chăm sóc bản thân. Khoảng giữa năm 2016, chị L đưa cháu P về nhà chị L ở tỉnh Thanh Hóa sinh sống. Từ đó đến nay, chị L không quay lại chung sống cùng anh V nữa. Chị D xác định hiện nay sức khỏe của anh V hoàn toàn bình thường và anh V cũng không có kết luận, quyết định của cơ quan chức năng có thẩm quyền về việc anh V có vấn đề về thần kinh. Anh V có quan điểm xin đoàn tụ với chị L và đề nghị được nuôi con chung của anh chị. Tuy nhiên, chị D nhận thấy chị L không có trách nhiệm cũng như không còn tình cảm với anh V, anh chị sống ly thân đã lâu, gia đình chị cũng đã nhiều lần trao đổi mong muốn chị L về chung sống cùng anh V nhưng chị L không đồng ý. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L và anh V ly hôn để anh chị ổn định cuộc sống. Về con chung của anh V và chị L, chị D đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị Thanh H (chị gái ruột của anh V) và chị Nguyễn Thị N (em gái ruột của anh V) trình bày: Anh V và chị L là vợ chồng có thời gian chung sống cùng nhau. Đến cuối năm 2015, anh V bị tai nạn, chị L bỏ mặc, không chăm sóc anh V và đưa con chung của anh chị là cháu P về sinh sống tại nhà chị L ở tỉnh Thanh Hóa. Từ đó đến nay, anh V sống một mình, tự chăm sóc bản thân và anh V được hưởng trợ cấp dạng khuyết tật vận động của Ủy ban nhân dân huyện M (nay là Ủy ban nhân dân thị xã M). Các chị xác định chị L đã bỏ mặc anh V từ năm 2016 đến nay nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh V và chị L ly hôn để anh chị ổn định cuộc sống. Về vấn đề con chung của anh V và chị L, các chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, anh V đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Tòa án đã triệu tập anh V đến Tòa án tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; anh V mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Do vậy pH đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà hôm nay:

Chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh V được ly hôn. Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu P; hiện nay chị không có thai. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P đến khi cháu thành niên. Anh V không pH cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Về tài sản, nợ, ruộng nông nghiệp, công sức chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M trình bày quan điểm: Toà án thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản hòa giải và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn anh V. Giao cháu P cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc anh V không pH cấp dưỡng nuôi con chung cho

chị L. Về tài sản, nợ, ruộng, công sức do chị L, anh V tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không pH giải quyết. Chị L pH chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn là chị Lê Thị L và anh Nguyễn Đức V là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con. Chị L khởi kiện xin ly hôn anh V, anh V có nơi cư trú tại tổ dân phố R, phường D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã M theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh V đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Qua lời trình bày của nguyên đơn là chị L, bị đơn là anh V cũng như các tài liệu chứng cứ do đương sự giao nộp đã phù hợp với nội dung xác minh tại Ủy ban nhân dân phường D, nên có đủ căn cứ xác định anh V, chị L đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường D năm 2012 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn là đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp, chị L khởi kiện ly hôn đối với anh V sẽ được Tòa án xem xét và giải quyết theo thủ tục ly hôn.

Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập tại hồ sơ vụ án thì thấy: Chị L, anh V là vợ chồng, có thời gian chung sống H Pc đến tháng 5 năm 2016 thì sống ly thân, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng chung sống không H Pc, kinh tế vợ chồng có khó khăn. Quá trình giải quyết vụ án, anh V xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn, anh chị sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau, vợ chồng không thể về chung sống cùng nhau nhưng anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con; chị L xác định vợ chồng không thể chung sống cùng nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh V được ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án tạo điều kiện để anh chị hòa giải hàn gắn H Pc tuy nhiên anh V không đưa ra được phương án hàn gắn H Pc vợ chồng, không đến tham gia phiên hòa giải, thời gian anh chị sống ly thân đã lâu (06 năm) không còn quan tâm chăm sóc nhau. Tất cả những tình tiết này đã phản ánh đúng thực trạng hôn nhân của vợ chồng anh chị, thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên sẽ giải quyết cho chị L và anh V ly hôn là phù hợp, đảm bảo quyền và lợi ích của anh chị.

[2.2]. Về con chung: Chị L, anh V có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức P, sinh ngày 30/3/2013. Chị L và anh V đều đề nghị Tòa án giao cháu P cho anh chị chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên và không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu nuôi con chung của anh chị thì thấy hiện nay anh V đang được hưởng trợ cấp của Ủy ban nhân dân thị xã M, mặc dù anh V có

nhà ở nhưng anh V không có công việc thu nhập ổn định; chị L hiện đang làm công nhân, có đủ điều kiện về nơi ăn, ở, thu nhập để chăm sóc nuôi dưỡng cháu P. Mặt khác từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay cháu P sống cùng chị L và cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện, tránh sự xáo trộn trong sinh hoạt và học tập của cháu P; Hội đồng xét xử giao cháu P cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh V không pH cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ, ruộng nông nghiệp, công sức: Quá trình giải quyết vụ án, chị L, anh V đều thống nhất tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ, ruộng, công sức của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị L pH chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đức V.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức P, sinh ngày 30/3/2013 cho chị Lê Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu P thành niên (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh V không pH cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L.

Anh V có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh V thực hiện quyền này.

Chị L, anh V có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không pH giải quyết.

Án phí: Chị Lê Thị L pH chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng chị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013211 ngày 18/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã M. Chị L đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã M;
- Phòng KTNV &THS TAND tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục T.H.A DS thị xã M;
- Đương sự;
- UBND phường D;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- Lưu HS vụ án.

NGUYỄN THỊ OANH